

Số: /2023/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO (Lần 2)**Ngày 26/6/2023****THÔNG TƯ**

Hướng dẫn về Hội đồng quản lý và tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ ý kiến của Bộ Nội vụ tại Công văn số /BNV-TCBC ngày / /2023 về việc ...;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư hướng dẫn về Hội đồng quản lý và tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải.

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải (sau đây gọi tắt là Hội đồng quản lý), mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và cơ quan quản lý cấp trên; tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, phục vụ quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải (không bao gồm các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giao thông vận tải trong lực lượng vũ trang nhân dân).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập và hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải.

Chương II **THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ**

Điều 3. Nguyên tắc, điều kiện thành lập

Nguyên tắc, điều kiện thành lập Hội đồng quản lý thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là Nghị định số 120/2020/NĐ-CP).

Điều 4. Thủ tục thành lập

1. Thủ tục thành lập Hội đồng quản lý thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

2. Hồ sơ đề nghị thành lập gồm:

a) Văn bản đề nghị thành lập Hội đồng quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập; văn bản đề nghị thành lập Hội đồng quản lý của đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có);

b) Đề án thành lập Hội đồng quản lý;

c) Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý;

d) Các tài liệu chứng minh đủ điều kiện thành lập Hội đồng quản lý theo quy định tại Điều 3 Thông tư này;

đ) Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan về việc thành lập Hội đồng quản lý (nếu có);

e) Các giấy tờ khác có liên quan (nếu có).

Điều 5. Đề án thành lập

1. Sự cần thiết và cơ sở pháp lý thành lập Hội đồng quản lý;

2. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý;

3. Số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản lý; nhiệm vụ cụ thể của thành viên Hội đồng quản lý;

4. Dự kiến phương án nhân sự của Hội đồng quản lý;

5. Kiến nghị của đơn vị đề nghị thành lập Hội đồng quản lý (nếu có);

6. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thành lập

Thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng quản lý thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

Chương III

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 7. Vị trí và chức năng

1. Hội đồng quản lý là đại diện của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Hội đồng quản lý quyết định chiến lược, chủ trương, kế hoạch hoạt động, tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và những vấn đề quan trọng khác của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát việc thực hiện mục tiêu, kế hoạch, nghị quyết đã đề ra.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Quyết định mục tiêu, chiến lược và kế hoạch phát triển trung hạn và hàng năm của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Thông qua quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Quyết định chủ trương về tổ chức bộ máy, thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định về định hướng hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và phát triển khoa học công nghệ; quyết định chủ trương đầu tư mở rộng hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý, kế hoạch, việc triển khai quy chế dân chủ trong các hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Quyết định chủ trương về nhân sự (trừ số lượng người làm việc thực hiện theo quy định của pháp luật về viên chức) đối với đối tượng thuộc thẩm quyền quyết định của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định và theo phân cấp; đề nghị cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chế độ chính sách đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.

7. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo cơ quan quản lý cấp trên về các hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

8. Định kỳ hoặc đột xuất yêu cầu người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập báo cáo về các hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

9. Thông qua đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm, điều chỉnh số lượng người làm việc hàng năm của đơn vị sự nghiệp công lập trước khi người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt theo thẩm quyền.

10. Thông qua kế hoạch tài chính, mức phí của các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ; các chỉ tiêu cơ bản trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và báo cáo quyết toán tài chính hàng năm của đơn vị sự nghiệp công lập.

11. Quyết định các vấn đề quan trọng khác của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 9. Cơ cấu tổ chức

1. Hội đồng quản lý có số lượng thành viên từ 05 đến 11 thành viên, gồm Chủ tịch, Thư ký và các thành viên khác. Tùy theo yêu cầu nhiệm vụ, Hội đồng quản lý có thể có Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý.

2. Thành phần Hội đồng quản lý

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý là đại diện lãnh đạo của đơn vị sự nghiệp công lập hoặc đại diện cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của đơn vị sự nghiệp công lập hoặc đại diện cơ quan cấp trên của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý (nếu có);

c) Đại diện cơ quan quản lý cấp trên và cấp trên trực tiếp của đơn vị sự nghiệp công lập (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo của đơn vị sự nghiệp công lập) hoặc đại diện lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng là đại diện cơ quan quản lý cấp trên, cấp trên trực tiếp);

d) Đại diện cấp ủy đảng, Chủ tịch công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên, lãnh đạo các phòng, ban trực thuộc của đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có). Trường hợp không có tổ chức trực thuộc thì cử đại diện viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập tham gia Hội đồng quản lý;

đ) Thư ký Hội đồng.

3. Số lượng thành viên của Hội đồng quản lý quy định tại điểm d khoản 2 Điều này phải nhỏ hơn 50% tổng số thành viên của Hội đồng quản lý.

4. Số lượng, cơ cấu, thành phần cụ thể của thành viên Hội đồng quản lý do cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý quyết định.

Điều 10. Chế độ làm việc

1. Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Quyết định của Hội đồng quản lý được thể hiện bằng hình thức Nghị quyết. Nghị quyết của Hội đồng quản lý được thông qua khi có ít nhất 3/4 tổng số thành viên Hội đồng tham dự nhất trí thông qua bằng hình thức bỏ phiếu kín.

2. Hội đồng quản lý họp định kỳ ít nhất 03 tháng một lần và họp đột xuất khi cần thiết theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc người có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý hoặc người đứng đầu cơ quan trực tiếp quản lý đơn vị sự nghiệp công lập. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý được coi là họp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý (khi được Chủ tịch phân công hoặc ủy quyền) điều hành cuộc họp.

3. Đại diện của cơ quan quản lý cấp trên, cấp trên trực tiếp của đơn vị sự nghiệp công lập trong Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Thành viên Hội đồng quản lý là công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị khác làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; các thành viên Hội đồng quản lý là viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập có thể làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm và được xác định trong Đề án thành lập Hội đồng quản lý.

4. Hội đồng quản lý được sử dụng con dấu và bộ máy tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập để triển khai công việc của Hội đồng quản lý.

5. Hội đồng quản lý hoạt động theo quy chế hoạt động được cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng quản lý phê duyệt.

Điều 11. Quan hệ công tác

1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quản lý điều hành hoạt động của đơn vị thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nghị quyết trước Hội đồng quản lý.

2. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản lý với cơ quan quản lý cấp trên:

a) Hội đồng quản lý chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

b) Hội đồng quản lý có trách nhiệm báo cáo cơ quan quản lý cấp trên các hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Cơ quan quản lý cấp trên thông qua hoặc có ý kiến đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của Hội đồng quản lý.

3. Quan hệ công tác của Hội đồng quản lý được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

Điều 12. Quy chế hoạt động

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

- a) Các quy định chung;
- b) Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý;
- c) Số lượng, cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản lý;
- d) Nhiệm vụ, quyền hạn, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản lý; bổ nhiệm, thay đổi, miễn nhiệm, kỷ luật thành viên Hội đồng quản lý;
- đ) Cơ chế hoạt động của Hội đồng quản lý;
- e) Mối quan hệ công tác giữa Hội đồng quản lý với cơ quan quản lý cấp trên và với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập;
- g) Các quy định khác đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản lý xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý, trình cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý phê duyệt.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản lý

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý:

- a) Chỉ đạo xây dựng kế hoạch hoạt động hàng quý và hàng năm của Hội đồng quản lý;
- b) Chỉ đạo chuẩn bị chương trình, tài liệu cuộc họp hoặc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý;
- c) Triệu tập và chủ trì cuộc họp hoặc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý;
- d) Lãnh đạo thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý;
- đ) Tổ chức việc giám sát và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược, kết quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, kết quả quản lý điều hành của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập;
- e) Điều hành Hội đồng quản lý thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 8 Thông tư này;
- g) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo quy chế hoạt động của đơn vị.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý (nếu có):

- a) Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực được Hội đồng quản lý và Chủ tịch Hội đồng quản lý phân công;

b) Thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản lý điều hành Hội đồng quản lý và ký các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng quản lý theo phân công, ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản lý;

c) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

3. Thư ký Hội đồng quản lý:

Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên khác của Hội đồng quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều này và trực tiếp giúp Chủ tịch Hội đồng quản lý những nhiệm vụ sau đây:

a) Tổng hợp thông tin về hoạt động của đơn vị báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản lý; chuẩn bị chương trình nghị sự, tài liệu, giấy mời họp và làm thư ký các cuộc họp của Hội đồng quản lý; xây dựng, hoàn chỉnh, lưu trữ các văn bản của Hội đồng quản lý;

b) Chuẩn bị các báo cáo, văn bản giải trình với cơ quan nhà nước và các cơ quan có liên quan theo nhiệm vụ, chức năng của Hội đồng quản lý;

c) Các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng quản lý giao và theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên khác của Hội đồng quản lý:

a) Thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý phân công; các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý;

b) Đề xuất với Chủ tịch Hội đồng quản lý nội dung và các vấn đề cần thảo luận tại cuộc họp Hội đồng quản lý;

c) Dự các cuộc họp của Hội đồng quản lý, góp ý kiến, biểu quyết về những vấn đề đưa ra thảo luận trong các cuộc họp của Hội đồng quản lý.

Chương IV

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 14. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý

1. Thành viên Hội đồng quản lý phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Là công chức hoặc viên chức và đủ tuổi công tác ít nhất trọn một nhiệm kỳ;

b) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có đủ sức khỏe để đảm nhận công việc;

c) Không trong thời gian chấp hành quyết định kỷ luật hoặc trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật;

d) Có trình độ từ đại học trở lên phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị;

đ) Có kinh nghiệm trong công tác chuyên môn hoặc quản lý;

e) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, kế toán trưởng của đơn vị sự nghiệp công lập;

g) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Có năng lực quản lý và đáp ứng các tiêu chuẩn như người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật và quy định của cấp có thẩm quyền.

Điều 15. Thẩm quyền bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý

1. Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập bổ nhiệm.

2. Nhiệm kỳ của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý không quá 05 (năm) năm.

Điều 16. Điều kiện miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý

1. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý bị miễn nhiệm nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Cá nhân có đơn xin thôi tham gia Hội đồng quản lý;

b) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Không đủ sức khỏe để đảm nhiệm công việc được giao, đã phải nghỉ làm việc để điều trị quá 06 tháng mà khả năng lao động chưa hồi phục;

d) Bị Tòa án kết tội bằng bản án có hiệu lực của pháp luật;

đ) Có trên 50% tổng số thành viên của Hội đồng quản lý kiến nghị bằng văn bản đề nghị miễn nhiệm;

e) Mắc các vi phạm khác đã quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý;

g) Chuyển công tác hoặc nghỉ hưu, thôi việc theo quy định;

h) Các trường hợp khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý.

2. Người có thẩm quyền bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý tại khoản 1 Điều 15 Thông tư này xem xét, quyết định miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ...

2. Thông tư số 05/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giao thông vận tải hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Bộ Giao thông vận tải để hướng dẫn, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 18;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, TCCB.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Duy Lâm